

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2018
“V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Dương Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị P**, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Hoài H**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị P có mặt, anh H vắng mặt lần hai tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Dương Thị P trình bày như sau:

Chị Dương Thị P và anh Đặng Hoài H chung sống với nhau năm 2002, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, anh H thường xuyên đi nhậu với bạn bè khi về dùng lời lẽ không hay xúc phạm chị, chị P đã cố gắng chịu đựng để mong anh H sửa đổi nhưng đến nay anh vẫn không thay đổi tính tình nên anh chị đã sống ly thân từ ngày 19/10/2017 cho đến nay. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Hoài H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Đặng Văn T, sinh ngày 12/01/2003 và Đặng Hoàng M, sinh ngày 12/8/2014, hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra chị P không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Đặng Hoài H: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), nhưng **anh H** không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của cháu Đặng Văn T: Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, cháu xin được sống chung với mẹ là Dương Thị P, do từ khi cha mẹ các cháu ly thân cháu sống với mẹ Dương Thị P, hiện tại cuộc sống của các cháu đã ổn định.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; giấy khai sinh; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; tờ thể hiện nguyện vọng; biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xác minh ngày 17/10/2018.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Theo biên bản xác minh ngày 17/10/2018 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp Rạch Cốc đã xác định: Chị P và anh H chung sống với nhau năm 2002, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng khó khăn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh chị có hai người con chung hiện đang sống với chị Phụng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị P giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Anh H vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Dương Thị P đối với anh Đặng Hoài H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; về con chung: Giao các cháu Đặng Văn T, sinh ngày 12/01/2003 và Đặng Hoàng M, sinh ngày 12/8/2014 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của cháu Đặng Văn T là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị P xin ly hôn với anh H, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh H cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015 ngày 09/02/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị P xin được ly hôn với anh H, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi bất hòa hôn nhân không hạnh phúc, anh H thường xuyên đi nhậu về dùng lời lẽ xúc phạm chị P chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai và sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Còn anh H thì trong suốt quá trình giải quyết vụ

án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo hòa giải hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, trở về đoàn tụ nhưng anh H không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phượng;

Tại biên bản xác minh ngày 17/10/2018, chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống đã xác định, vợ chồng chị P và anh H chung sống thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, anh H thường xuyên đi nhậu về nhà dùng lời lẽ xúc phạm chị P, anh H đã được Ban lãnh đạo động viên hòa giải nhiều lần nhưng đến nay không không sửa đổi (Bút lục 40);

Tại phiên tòa hôm nay, chị P cương quyết xin ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung và cấp dưỡng:

Chị P và anh H có 02 người con chung tên Đặng Văn T, sinh ngày 20/4/2018 và Đặng Hoàng M, sinh ngày 12/8/2014. Chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung là Tùng và Minh, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung vì chị P xác định chị hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi các con chung.

Theo nguyện vọng của cháu Đặng Văn T khi chị P và anh H ly hôn thì yêu cầu được sống với chị Phượng;

Xét yêu cầu của chị P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Đặng Văn T và Đặng Hoàng M và theo nguyện vọng của cháu T là phù hợp với điều kiện sinh sống hiện tại, không trái đạo đức và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các cháu và yêu cầu của chị P.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với anh Đặng Hoài H không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị P nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị P là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận theo quy định các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị P đối với bị đơn anh Đặng Hoài H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Dương Thị P và anh Đặng Hoài H.

2. Về con chung:

Giao các cháu Đặng Văn T, sinh ngày 12/01/2003 và Đặng Hoàng M, sinh ngày 12/8/2014 cho chị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu Đặng Văn T.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Dương Thị P có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005664 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã T Y, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chon